

CÔNG TY TNHH SX TM DV LÁ KIM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SX TM DV LÁ KIM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110052191

3. Ngày thành lập: 05/07/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 4 Toà nhà Vimenco Lô E9, Đường Phạm Hùng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976878873

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa. (Trừ môi giới bất động sản)	4610

14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
15.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ phế thải kim loại và mua bán vàng miếng)	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn các sản phẩm từ nhựa; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy (không hoạt động tại trụ sở)	4669
27.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (Không hoạt động tại trụ sở)	0118
28.	Trồng cây hàng năm khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0119
29.	Trồng cây ăn quả (Không hoạt động tại trụ sở)	0121
30.	Trồng cây lâu năm khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0129
31.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (Không hoạt động tại trụ sở)	0131
32.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm (Không hoạt động tại trụ sở)	0132
33.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
34.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
35.	Xử lý hạt giống để nhân giống (Không hoạt động tại trụ sở)	0164
36.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210

37.	Khai thác gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	0220
38.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	0231
39.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	0232
40.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
41.	Khai thác quặng sắt (Không hoạt động tại trụ sở)	0710
42.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium (Không hoạt động tại trụ sở)	0721
43.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ dạy về tôn giáo, các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)	8559
44.	Lập trình máy vi tính	6201
45.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (Trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet)	6202
46.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
47.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
48.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
49.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
50.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
51.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
52.	Quảng cáo	7310
53.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ thiết kế công trình xây dựng, giám sát thi công, khảo sát xây dựng)	7410
54.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: Chụp ảnh cho người tiêu dùng và thương mại (Loại trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
55.	Cho thuê xe có động cơ	7710
56.	Bán buôn tổng hợp	4690
57.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
58.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
59.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
60.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
61.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

62.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4730
63.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Không hoạt động tại trụ sở)	0722
64.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Trừ khai thác vàng)	0730
65.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở)	0810
66.	Khai thác và thu gom than bùn (Không hoạt động tại trụ sở)	0892
67.	Chế biến và bảo quản rau quả (Không hoạt động tại trụ sở)	1030
68.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (Không hoạt động tại trụ sở)	1040
69.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan và không gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da, luyện cán cao su tại trụ sở)	1410
70.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	1610
71.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Trừ chế biến gỗ, tái chế phế thải)	1621
72.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Trừ chế biến gỗ, tái chế phế thải)	1622
73.	Sản xuất bao bì bằng gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	1623
74.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (Trừ chế biến gỗ, tái chế phế thải)	1629
75.	In ấn (Không hoạt động tại trụ sở và trừ in tráng bao bì kim loại, in ấn trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may)	1811
76.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
77.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít (Không hoạt động tại trụ sở)	2022
78.	Sản xuất sản phẩm từ plastic (Trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b và không hoạt động tại trụ sở)	2220
79.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2395

80.	Đúc sắt, thép (không hoạt động tại trụ sở)	2431
81.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2511
82.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2591
83.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2592
84.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng (không hoạt động tại trụ sở)	2740
85.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không hoạt động tại trụ sở)	2816
86.	Sản xuất máy chuyên dụng khác (không hoạt động tại trụ sở)	2829
87.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
88.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
89.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
90.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4791
91.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4799(Chính)
92.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
93.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
94.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
95.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
96.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
97.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5222
99.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi ô tô và hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô và hóa lỏng khí để vận chuyển và dịch vụ liên quan đến vận tải đường hàng không)	5229
102.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
103.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

104.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ hoạt động bar và quán giải khát có khiêu vũ và trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)	5629
105.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; Không sử dụng chất nổ, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5911
106.	Hoạt động hậu kỳ (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; Không sử dụng chất nổ, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5912
107.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm (trừ karaoke)	5920
108.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
109.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
110.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7830
111.	Đại lý du lịch	7911
112.	Điều hành tua du lịch	7912
113.	Vệ sinh chung nhà cửa (Trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8121
114.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
115.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
116.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở)	3100
117.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	3290
118.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
119.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)	3600
120.	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
121.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3821
122.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3822
123.	Xây dựng nhà để ở	4101
124.	Xây dựng nhà không để ở	4102
125.	Xây dựng công trình đường sắt	4211

126.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
127.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
128.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
129.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
130.	Xây dựng công trình thủy	4291
131.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
132.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
133.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
134.	Phá dỡ	4311
135.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
136.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
137.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
138.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
139.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
140.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
141.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
142.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
143.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Có nội dung được phép lưu hành)	4761
144.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
145.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
146.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Không hoạt động tại trụ sở)	4773

6. Vốn điều lệ: 12.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: RAH LAN JIM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/04/1987

Dân tộc: Ja Rai

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 230664556

Ngày cấp: 15/02/2016

Nơi cấp: Công an Tỉnh Gia Lai

Địa chỉ thường trú: Buôn Phu Ma Miong, Xã Ia Rô, Thị xã Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Buôn Phu Ma Miong, Xã Ia Rô, Thị xã Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội